

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Vũ Hoàng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017) Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Lương Ngọc Lân	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Hoàng Hữu Tâm	Ủy viên
Ông Phan Minh Tâm	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Nguyễn Khánh Trung	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Ông Hoàng Thanh Tùng	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)
Bà Lã Thị Lan	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Hữu Tâm	Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Phan Minh Tâm	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 02 tháng 02 năm 2017)
Ông Phạm Vũ Hoàng	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.


Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,





Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Số: 782 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2018, từ trang 6 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

12
NG
HIỆN
01
T
A

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 09 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang phản ánh số dư khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cho dự án Nhiệt điện Thái Bình 2 và Nhiệt điện Sông Hậu 1 với số tiền lần lượt là 35.400.441.398 VND và 20.299.747.075 VND. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các dự án này hay không do các dự án này đang trong quá trình thực hiện theo hợp đồng và dự toán cho các dự án này vẫn đang trong quá trình xem xét điều chỉnh. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào dự án Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội ("Dự án Dolphin Plaza") với tổng giá trị vốn góp là 51.054.259.967 VND theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010, trong đó giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng lô đất là 36.060.822.000 VND và giá trị vốn góp là 14.993.437.967 VND tương ứng với tỷ lệ 19% tổng mức đầu tư dự kiến của Dự án Dolphin Plaza. Theo phụ lục số 03 ngày 18 tháng 01 năm 2015 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD, Công ty đã rút một phần vốn đã góp vào dự án này với giá trị là 13.953.720.000 VND, tỷ lệ tham gia góp vốn tại Dự án này sau khi rút một phần vốn là 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFLAND ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, Công ty đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m² trị giá là 3.527.682.675 VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn hộ và chưa được quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Dự án này hay không. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán với số tiền lần lượt là 5.912.311.902 VND và 5.321.080.712 VND cho hạng mục Hệ thống thải tro xi theo các biên bản nghiệm thu khối lượng tạm tính với Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và đơn giá tạm tính theo hợp đồng thay vì căn cứ theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Việc ghi nhận doanh thu và giá vốn vào năm 2017 trong khi biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được Ban quản lý nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 ký trong tháng 01 năm 2018 là chưa phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam. Theo đó, nếu Công ty ghi nhận theo quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam thì khoản mục doanh thu và giá vốn trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 sẽ giảm tương ứng 5.912.311.902 VND và 5.321.080.712 VND. Đồng thời, trên bảng cân đối kế toán, chỉ tiêu phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng sẽ giảm 5.912.311.902 VND và chỉ tiêu hàng tồn kho sẽ tăng 5.321.080.712 VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, mặc dù tài sản ngắn hạn đang cao hơn nợ ngắn hạn với số tiền là 18.897.495.273 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 34.574.416.939 VND), tuy nhiên Công ty có lỗ lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 với số tiền là 176.569.210.039 VND (lỗ lũy kế tại 31 tháng 12 năm 2016 là 158.245.629.265 VND), lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bị âm 42.788.303.285 VND (năm 2016: âm 13.388.123.952 VND). Các yếu tố nêu trên dẫn đến nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Công ty. Kế hoạch của Ban Giám đốc Công ty liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể phát sinh từ kết quả của sự kiện không chắc chắn này. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyễn
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0764-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Lương Tâm
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2303-2018-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		216.317.622.618	194.516.379.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.571.949.074	5.111.467.708
1. Tiền	111		2.571.949.074	1.224.467.708
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	3.887.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	7.280.780.000	6.576.320.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		7.280.780.000	7.280.780.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	(704.460.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.262.583.167	105.704.812.890
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	51.021.985.708	91.726.735.175
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		8.709.482.573	4.902.587.256
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		5.912.311.902	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	45.635.219.454	16.083.736.400
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(8.016.416.470)	(7.008.245.941)
IV. Hàng tồn kho	140	9	69.966.426.397	46.068.957.680
1. Hàng tồn kho	141		69.966.426.397	46.068.957.680
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.235.883.980	31.054.820.839
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		43.418.333	168.200.985
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.939.070.147	4.633.224.354
3. Tài sản ngắn hạn khác	155	10	26.253.395.500	26.253.395.500
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		328.409.804.471	376.876.463.579
I. Tài sản cố định	220		25.828.682.989	22.809.975.896
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	25.828.682.989	22.809.975.896
- Nguyên giá	222		34.541.354.457	30.043.589.964
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.712.671.468)	(7.233.614.068)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		140.846.000	140.846.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(140.846.000)	(140.846.000)
II. Bất động sản đầu tư	230	12	12.885.372.287	13.329.554.719
- Nguyên giá	231		14.509.362.096	14.509.362.096
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.623.989.809)	(1.179.807.377)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		171.586.901.684	174.521.264.205
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	171.586.901.684	174.521.264.205
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	29.545.612.602	32.037.713.635
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.328.000.000	49.328.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(19.782.387.398)	(17.290.286.365)
V. Tài sản dài hạn khác	260		88.563.234.909	134.177.955.124
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		509.491.524	124.211.739
2. Tài sản dài hạn khác	268	15	88.053.743.385	134.053.743.385
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		544.727.427.089	571.392.842.696

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

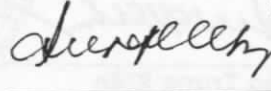
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		197.420.127.345	205.761.962.178
I. Nợ ngắn hạn	310		197.420.127.345	159.941.962.178
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	37.469.261.846	40.417.031.591
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.082.459.735	15.517.618.248
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	80.099.860	125.543.942
4. Phải trả người lao động	314		2.134.452.036	2.250.772.294
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	18.431.745.936	11.313.975.550
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	76.994.660.208	81.924.694.850
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	51.723.101.773	7.290.679.752
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		504.345.951	1.101.645.951
II. Nợ dài hạn	330		-	45.820.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	-	45.820.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		347.307.299.744	365.630.880.518
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	347.307.299.744	365.630.880.518
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.344.727.377	18.344.727.377
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.531.782.406	5.531.782.406
4. (Lỗ) lũy kế	421		(176.569.210.039)	(158.245.629.265)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(158.245.629.265)	(159.153.325.137)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(18.323.580.774)	907.695.872
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		544.727.427.089	571.392.842.696


Nguyễn Hoàng Lê Na
Người lập biểu


Trần Trung Kiên
Kế toán trưởng




Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

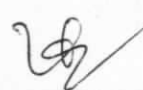
Ngày 26 tháng 3 năm 2018

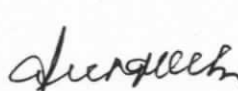
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	77.017.149.542	74.835.092.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		77.017.149.542	74.835.092.167
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	69.496.683.049	70.160.297.150
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		7.520.466.493	4.674.795.017
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		67.102.163	41.542.458
7. Chi phí tài chính	22	26	9.261.938.749	6.146.717.206
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.474.297.716	6.027.875.556
8. Chi phí bán hàng	25	27	1.051.030.461	15.800.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	13.018.530.571	9.449.713.199
10. (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		(15.743.931.125)	(10.895.892.930)
11. Thu nhập khác	31		143.593.705	18.340.181.581
12. Chi phí khác	32		2.658.843.354	6.468.592.779
13. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(2.515.249.649)	11.871.588.802
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(18.259.180.774)	975.695.872
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	-	-
16. (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		(18.259.180.774)	975.695.872
17. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	(365)	20


Nguyễn Hoàng Lê Na
Người lập biểu


Trần Trung Kiên
Kế toán trưởng


Hoàng Hữu Tâm
Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình,
Phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm,
Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

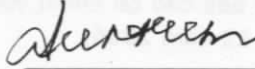
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(18.259.180.774)	975.695.872
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.923.239.832	1.918.625.339
Các khoản dự phòng	03	2.795.811.562	(182.127.419)
Lỗ/(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	2.583.678.627	(2.748.245.309)
Chi phí lãi vay	06	7.474.297.716	6.027.875.556
3. (Lỗ)/Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.482.153.037)	5.991.824.039
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	281.290.685	(29.255.535.176)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(26.203.314.510)	(34.319.261.381)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(11.652.535.643)	44.487.311.290
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(260.497.133)	(224.462.724)
Tiền lãi vay đã trả	14	(809.393.647)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(661.700.000)	(68.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(42.788.303.285)	(13.388.123.952)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(1.010.591.578)	(1.039.488.927)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	47.476.860.000	5.017.683.532
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	-	655.451.169
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.102.163	1.041.542.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.533.370.585	5.675.188.232
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	17.213.774.073	7.290.679.752
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(18.601.352.052)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(4.897.007.955)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.284.585.934)	7.290.679.752
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	(2.539.518.634)	(422.255.968)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5.111.467.708	5.533.723.676
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	2.571.949.074	5.111.467.708


Nguyễn Hoàng Lê Na
Người lập biểu


Trần Trung Kiên
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này